

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN**

---

**HỒ THU THẢO**

**CƠ QUAN ĐỐI NGOẠI CHÂU ÂU: SỰ HÌNH THÀNH, TỔ CHỨC  
VÀ HOẠT ĐỘNG (2009-2019)**

Chuyên ngành: Quan hệ Quốc tế

Mã số: 62 31 02 06

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUAN HỆ QUỐC TẾ**

**Hà Nội – 2020**

Công trình được hoàn thành tại: Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. Hoàng Phước Hiệp

Phản biện: .....

.....

Phản biện: .....

.....

Phản biện: .....

.....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc gia chấm luận án  
tiên sĩ họp tại .....

vào hồi          giờ          ngày          tháng          năm 20...

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài nghiên cứu

*Thứ nhất*, Cơ quan Đối ngoại Châu Âu (EEAS) là một sáng kiến thể chế đặc biệt của Hiệp ước Lisbon năm 2009 - dấu mốc quan trọng nhằm khẳng định hình ảnh và vị thế chính trị thống nhất của Châu Âu trong bối cảnh thế giới nhiều biến động. Đặc biệt, sau hàng loạt những biến cố và thách thức dồn dập như khủng hoảng nợ công, khủng hoảng nhập cư hay sự kiện Brexit, Liên minh Châu Âu (EU) thật sự đang đứng trước nhu cầu cải cách mạnh mẽ nhằm thúc đẩy hội nhập về nhiều mặt, bao gồm cả những lĩnh vực nhạy cảm như an ninh hay đối ngoại, nhằm trở thành một thể chế gắn kết, có trách nhiệm và hiệu quả hơn trong việc giải quyết các vấn đề chung.

*Thứ hai*, EEAS là một cấu trúc hoàn toàn mới và chưa từng có tiền lệ trong lịch sử đối ngoại, được ra đời với kỳ vọng trở thành giải pháp hiệu quả cho những yếu điểm và hạn chế của EU trong chính lĩnh vực nhạy cảm này, do đó việc nghiên cứu và hiểu rõ đối tượng này sẽ có ý nghĩa quan trọng về mặt lý luận cũng như thực tiễn. Đối với một bộ máy chính sách đối ngoại công kênh, chông chéo vốn là sự kết hợp của cả hai cơ chế siêu quốc gia và liên chính phủ như của EU, EEAS là một sáng kiến vừa tham vọng vừa đáng kỳ vọng, nên được quan tâm nghiên cứu một cách hệ thống và chuyên sâu.

*Thứ ba*, với những bước tiến quan trọng về nhiều mặt trong quan hệ ngoại giao Việt Nam - EU, thì những hiểu biết sâu sắc về đối tác ngoại giao EU chắc chắn sẽ mang lại nhiều giá trị thực tiễn cho Việt Nam. Đặc biệt, sau cột mốc ASEAN và EU chính thức tuyên bố nâng cấp quan hệ đối tác đối thoại lên thành quan hệ đối tác chiến lược, việc nghiên cứu về EU với tư cách một chủ thể chính sách đối ngoại sẽ càng có ý nghĩa thực tiễn quan trọng đối với ASEAN nói chung và Việt Nam nói riêng. Bên cạnh đó, việc thiếu vắng một công trình có hệ thống và chuyên sâu về EEAS tại Việt Nam một lần nữa nhấn mạnh sự cần thiết của đề tài nghiên cứu này.

Với những lý do trên, nghiên cứu sinh quyết định lựa chọn đề tài **“Cơ quan Đối ngoại Châu Âu: Sự hình thành, tổ chức và hoạt động (2009-2019)”** làm đề tài nghiên cứu của luận án.

### 2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

#### 2.1. Mục đích nghiên cứu

Luận án phân tích và làm rõ quá trình hình thành, cơ cấu tổ chức, chức năng và thực tiễn hoạt động của EEAS trong giai đoạn từ 2009 đến 2019. Trên cơ sở đó đưa ra nhận xét về điểm mạnh và điểm yếu của EEAS trên các khía cạnh nghiên cứu cho đến hết năm 2019 và xu hướng hoạt động của EEAS trong tương lai.

#### 2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn làm nền tảng cho sự ra đời của EEAS, từ đó chỉ ra những dấu mốc trong quá trình hội nhập chính trị dẫn đến sự ra đời của cơ quan này.
- Chỉ ra mục tiêu hoạt động, cơ cấu tổ chức và phân tích quá trình hoạt động của EEAS trên thực tiễn, làm rõ sự tương tác giữa EEAS với các chủ thể bên ngoài như các cơ quan EU và các quốc gia thành viên.
- Nhận xét về quá trình thành lập, tổ chức và hoạt động của EEAS, từ đó chỉ ra xu hướng và triển vọng hoạt động của EEAS trong tương lai cùng những khuyến nghị chính sách phù hợp cho Việt Nam.

### 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

#### 3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là Cơ quan Đối ngoại Châu Âu.

#### 3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi không gian:

Phạm vi không gian được giới hạn chủ yếu trong EU, trong đó bao gồm các cơ quan và thể chế bên trong EU, cũng như các quốc gia thành viên của khối. Tuy nhiên, trong quá trình phân tích các hoạt động thực tiễn của EEAS, luận án có thể mở rộng phạm vi không gian nghiên cứu sang một số quốc gia và khu vực ngoại khối.

- Phạm vi thời gian:

Phạm vi thời gian của luận án là giai đoạn mười năm từ 2009 đến 2019. Trong đó, năm 2009 được chọn làm mốc thời gian mở đầu bởi năm này đánh dấu thời điểm Hiệp ước Lisbon chính thức có hiệu lực pháp lý, từ đó hiện thực hóa hàng loạt cải cách thể chế có ý nghĩa quan trọng trong tiến trình hình thành một EU hợp nhất và gắn kết về mặt đối ngoại, trong đó nổi bật là việc thành lập EEAS. Mốc 2019 được chọn nhằm kết thúc giai đoạn mười năm kể từ thời điểm sáng kiến thành lập EEAS được hợp thức hóa.

#### **4. Phương pháp nghiên cứu**

##### *4.1. Các cách tiếp cận chính*

(1) Cách tiếp cận lý thuyết quan hệ quốc tế; (2) cách tiếp cận lý thuyết về tính gắn kết trong chính sách đối ngoại; (3) cách tiếp cận các cấp độ phân tích trong quan hệ quốc tế (QHQT); (4) cách tiếp cận hệ thống - cấu trúc; (5) cách tiếp cận lịch sử.

##### *4.2. Các phương pháp nghiên cứu chính*

(1) Phương pháp phân tích, tổng hợp; (2) phương pháp thống kê; (3) phương pháp so sánh; (4) phương pháp dự báo; (5) phương pháp phân tích S.W.O.T.

#### **5. Đóng góp của đề tài**

##### *5.1. Về mặt khoa học*

Luận án tổng hợp, phân tích và đánh giá các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến EEAS - một cơ quan được thành lập với nhiệm vụ điều phối và thực thi chính sách đối ngoại của EU một cách gắn kết và hiệu quả. Luận án còn là một đóng góp tương đối mới trong lĩnh vực nghiên cứu Châu Âu tại Việt Nam do EEAS vẫn là một cơ quan non trẻ và chưa được các nhà nghiên cứu trong nước thực sự quan tâm tìm hiểu.

##### *5.2. Về mặt thực tiễn*

Luận án là công trình tham khảo có giá trị cho việc giảng dạy, nghiên cứu về chính sách và thực tiễn hoạt động đối ngoại của EU nói chung và EEAS nói riêng. Luận án cũng có giá trị nhất định trong việc cung cấp và cập nhật những thông tin và nhận định cụ thể cho các học giả và các nhà hoạch định chính sách trong nước về tổ chức, hoạt động và xu hướng phát triển của cơ quan ngoại giao đặc biệt này.

#### **6. Kết cấu của luận án**

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu

Chương 2: Cơ sở hình thành của Cơ quan Đối ngoại Châu Âu

Chương 3: Tổ chức và hoạt động của Cơ quan Đối ngoại Châu Âu

Chương 4: Nhận xét và khuyến nghị

### **CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU**

#### **1.1. Các công trình về Chính sách Đối ngoại và An ninh chung (CFSP)**

Liên quan đến quá trình hợp tác trong lĩnh vực quan hệ đối ngoại và sự phát triển của CFSP có bài viết “*Who Speaks for Europe? The Search for an Effective and Coherent Foreign Policy*” (“Ai phát ngôn cho Châu Âu? Tìm kiếm một chính sách đối ngoại hiệu quả và gắn kết”) của tác giả David Allen; cuốn sách “*The European Union's Foreign and Security Policy: A Legal Institutional Perspective*” (“Chính sách đối ngoại và

an ninh của Liên minh Châu Âu: Quan điểm về thể chế pháp lý”), bài viết “*Common Foreign, Security, and Defense Policy*” (“Chính sách đối ngoại, an ninh và phòng thủ chung”) và “*Integration and Constitutionalisation in EU Foreign and Security Policy*” (“Hội nhập và Thể chế hóa trong Chính sách Đối ngoại và An ninh của EU”) của tác giả Ramses A. Wessel; và cuốn sách “*Understanding European Foreign Policy*” (“Hiểu về Chính sách Đối ngoại của Châu Âu”) của tác giả Brian White.

Liên quan đến thay đổi thể chế của CFSP hậu Lisbon có bài viết “*The Institutional Architecture of CFSP after the Lisbon Treaty – Constitutional breakthrough or challenges ahead?*” (“Mô hình thể chế của CFSP sau Hiệp ước Lisbon - Đột phá hay thách thức về thể chế?”) của các tác giả Wolfgang Wessels và Franziska Bopp; bài viết “*The EU as a Multilateral Security Actor after Lisbon: Constitutional and Institutional Aspects*” (“EU với tư cách một chủ thể an ninh đa phương sau Lisbon: Các khía cạnh lập pháp và thể chế”) của các tác giả Jan Wouters, Stephanie Bijlmakers và Katrien Meuwissen.

Bên cạnh các tác giả nước ngoài, các nhà nghiên cứu trong nước cũng đóng góp một khối lượng bài viết đáng kể. Một số công trình tiêu biểu có thể kể đến bao gồm các bài viết và công trình của tác giả Bùi Hồng Hạnh như “*Liên minh Châu Âu - Từ Hợp tác Chính trị đến một Chính sách Đối ngoại chung (1950-1992)*”; “*Quá trình hình thành chính sách đối ngoại chung của Liên minh châu Âu*”; và “*Chính sách đối ngoại và an ninh chung của Liên minh Châu Âu (CFSP) - Một số vấn đề và khả năng thực thi*”. Ngoài ra còn có các bài viết “*Chính sách An ninh và Đối ngoại chung của Liên minh Châu Âu và một số gợi ý cho xây dựng Cộng đồng An ninh - Chính trị ASEAN*” của tác giả Đặng Minh Đức; luận án tiến sĩ “*Hội nhập khu vực ở châu Âu: Trường hợp nghiên cứu Chính sách Đối ngoại và An ninh chung châu Âu*” của tác giả Mạc Như Quỳnh; bài viết “*Một số nội hàm mới trong Chiến lược toàn cầu của EU về Chính sách Đối ngoại và An ninh chung và một số hàm ý chính sách*” của tác giả Nguyễn Hải Lưu.

## **1.2. Các công trình về sự hình thành của EEAS**

Nói đến quá trình hình thành EEAS, thái độ và quan điểm của các nước thành viên đối với cơ quan mới này là nội dung nghiên cứu quan trọng. Trái với số lượng hạn chế các công trình trong nước, nhiều công trình đáng chú ý của các học giả phương Tây có thể kể đến như cuốn sách “*The European External Action Service and National Foreign Ministries: Convergence or Divergence?*” (“Cơ quan Đối ngoại Châu Âu và Bộ Ngoại giao các quốc gia: Sự hội tụ hay khác biệt”) của nhóm tác giả Rosa Balfour, Caterina Carta và Kristi Raik; các bài viết “*Europe’s Changing Place in the World and Challenges to European Diplomacy*” (“Vị trí thay đổi của Châu Âu trên thế giới và những thách thức đối với Ngoại giao Châu Âu”) của Richard Whitman; “*Change and Continuity: A Decade of Evolution of EU Foreign Policy and the Creation of the European External Action Service*” (“Thay đổi và liên mạch: Thập kỷ tiến hóa chính sách đối ngoại của EU và sự thành lập Cơ quan Đối ngoại Châu Âu”) của tác giả Rosa Balfour; “*At the Centre of Coordination: Staff, Resources and Procedures in the European External Action Service and in the Delegations*” (“Tại Trung tâm Điều phối: Nhân viên, Nguồn lực và Thủ tục trong Cơ quan Đối ngoại Châu Âu và các Phái đoàn”) của tác giả Christian Lequesne; “*Inside the European External Action Service’s Institutional Sinews: An Institutional and Organizational Analysis*” (“Bên trong sức mạnh thể chế của Cơ quan Đối ngoại Châu Âu: Phân tích thể chế và tổ chức”) của các tác giả Caterina Carta and Simon Duke.

## **1.3. Các công trình về tổ chức của EEAS**

### **1.3.1. Các công trình về cơ cấu tổ chức của EEAS**

Trong số ít các công trình đề cập cụ thể đến cơ cấu bộ máy EEAS có một số nghiên cứu nổi bật như “*The EEAS and the EU executive actors within the Foreign Policy Cycle*” (“EEAS và các chủ thể điều hành của EU trong Chu kỳ Chính sách Đối ngoại”) của tác giả Caterina Carta; công trình “*Setting up the*

*European External Action Service: an institutional act of balance*” (“Thiết lập Cơ quan Đối ngoại Châu Âu: một hành động cân bằng thể chế”) của các tác giả Leendert Erkelens và Steven Blockmans; bài viết “*A legal-institutional perspective on the European External Action Service*” (“Khía cạnh tổ chức - pháp lý của Cơ quan Đối ngoại Châu Âu”) của tác giả Bart Van Vooren; bài viết “*The European External Action Service: Enhancing Coherence in EU External Action?*” (“Cơ quan Đối ngoại Châu Âu: Tăng cường sự gắn kết trong hoạt động đối ngoại của EU?”) của các tác giả Steven Blockmans và Marja Liisa Laatsit.

### **1.3.2. Các công trình về cơ cấu nhân sự của EEAS**

Liên quan đến cơ cấu nhân sự đặc biệt của EEAS, một số công trình nổi bật có thể kể đến như bài viết “*A Hybrid Service: Organising Efficient EU Foreign Policy*” (“Một Cơ quan Lai tạo: Thiết lập Chính sách Đối ngoại EU Hiệu quả”) của tác giả Cesare Onestini; bài viết “*EU foreign policy through the lens of practice theory: A different approach to the European External Action Service*” (“Chính sách đối ngoại EU nhìn qua lăng kính thực tiễn: Một cách tiếp cận khác đối với Cơ quan Đối ngoại Châu Âu”) tác giả Christian Lequesne; bài viết “*‘In the face of adversity’: explaining the attitudes of EEAS officials vis-à-vis the new service*” (“‘Đối mặt với nghịch cảnh’: lý giải thái độ của các nhân viên EEAS đối với cơ quan mới”) của hai tác giả Ana E. Juncos và Karolina Pomorska; cùng với một số nghiên cứu do EU tài trợ như “*A European External Action Service of the whole Union? Geographical and gender balance among the Heads of EU Delegations*” (“Một Cơ quan Đối ngoại Châu Âu của toàn Liên minh? Sự cân bằng địa lý và giới tính giữa các Trưởng Phái đoàn EU”) của tác giả Paul Ivan, và “*Achieving geographical and gender balance in the European External Action Service*” (“Thực hiện cân bằng địa lý và giới tính trong Cơ quan đối ngoại Châu Âu”) của hai tác giả Simon Duke và Sabina Kajně Lange.

Bên cạnh các công trình do giới học giả công bố, bản thân EEAS cũng ban hành các báo cáo thường niên như “*Annual Activity Report*” (“Báo cáo hoạt động thường niên”) và “*EEAS Human Resources Reports*” (“Báo cáo Nguồn Nhân lực EEAS”).

## **1.4. Các công trình về hoạt động của EEAS**

### **1.4.1. Các công trình về chức năng của EEAS**

Bên cạnh các văn bản chính thức của EU, chức năng hoạt động của EEAS cũng được tìm hiểu trong nhiều công trình nghiên cứu như bài viết “*Negotiating the European External Action Service (EEAS): Analysing the External Effects of Internal (Dis)Agreement*” (“Đàm phán về Cơ quan Đối ngoại Châu Âu (EEAS): Phân tích các tác động bên ngoài của sự (bất) thỏa thuận nội bộ”) của tác giả Zuzana Murdoch; bài viết “*The Early Days of the European External Action Service: A Practitioner's View*” (“Những ngày đầu của Cơ quan Đối ngoại Châu Âu: Quan điểm của một Chuyên gia”) của tác giả David Spence; bài viết “*‘In the face of adversity’: explaining the attitudes of EEAS officials vis-à-vis the new service*” (“‘Đối mặt với nghịch cảnh’: lý giải thái độ của các nhân viên EEAS đối với cơ quan mới”) của các tác giả Ana E. Juncos và Karolina Pomorska; Báo cáo đặc biệt “*The establishment of the European External Action Service*” (“Sự thành lập Cơ quan Đối ngoại Châu Âu”) được công bố bởi Tòa án Kiểm toán Châu Âu; bài viết “*The European External Action Service (EEAS), the New Kid on the Block*” (“Cơ quan Đối ngoại Châu Âu (EEAS), Thành viên Mới trong Nhóm”) của hai tác giả Tannelie Blom và Sophie Vanhoonacker.

### **1.4.2. Các công trình về hoạt động thực tiễn của EEAS**

Tuy số lượng hạn chế, song vẫn có thể kể đến một số công trình đáng chú ý như bài viết “*Between Pillars and Policies: The Quest for Consistency in EU External Relations Law*” (“Giữa trụ cột và chính sách: Câu hỏi về tính nhất quán trong pháp luật về quan hệ đối ngoại EU”) của tác giả Andrea Ott; bài viết “*Rule of Law in European Union External Action: Guiding Principles, Practices and Lessons Learned*” (“Quy tắc

Pháp luật trong Hoạt động Đối ngoại của Liên minh Châu Âu: Nguyên tắc Định hướng, Thực tiễn và Bài học Kinh nghiệm”) của tác giả Isabelle Ioannides; và nghiên cứu đánh giá “*Resetting EU External Action: Potential And Constraints*” (“Đổi mới Hoạt động Đối ngoại EU: Tiềm năng và Hạn chế”) của tác giả Nicole Koenig. Bên cạnh đó còn có bản Đánh giá chính thức đầu tiên về tổ chức và hoạt động của EEAS với tên gọi “*European External Action Service Review*” (“Đánh giá Cơ quan Đối ngoại Châu Âu”) cùng Báo cáo đặc biệt “*The establishment of the European External Action Service*” (“Sự thành lập Cơ quan Đối ngoại Châu Âu”) được phía EU công bố.

## **1.5. Nhận xét về tổng quan tình hình nghiên cứu**

### ***1.5.1. Những vấn đề đã được đề cập và làm rõ***

(1) Khối lượng đồ sộ các công trình nghiên cứu về CFSP cung cấp kiến thức nền tảng quan trọng cho việc hiểu và phân tích EEAS một cách toàn diện và chuyên sâu; (2) Các nghiên cứu đã đề cập được đến những yếu tố khách quan và chủ quan tác động đến giai đoạn chuẩn bị và thiết lập các đặc điểm cơ bản về cấu trúc và nhiệm vụ của EEAS; (3) Các nghiên cứu làm rõ mức độ ảnh hưởng của EEAS tới vị trí và vai trò của Bộ Ngoại giao các quốc gia thành viên, sự hiện diện của các nhà ngoại giao quốc gia và những đóng góp của lực lượng này trong EEAS; (4) Khối lượng không nhỏ những công trình nghiên cứu trực tiếp về cấu trúc và chức năng của EEAS có xu hướng tiếp cận EEAS với tư cách một cơ quan hành chính, từ đó cung cấp nhiều quan điểm có giá trị về tổ chức và hoạt động của cơ quan này; (5) Các công trình đánh giá thực tiễn hoạt động của EEAS đa phần tập trung vào những khía cạnh kỹ thuật như cơ cấu nhân sự, bộ máy điều hành, phân chia thẩm quyền hay quản lý ngân sách, v.v.

### ***1.5.2. Những vấn đề chưa được làm rõ mà luận án mong muốn đề cập và giải quyết***

(1) Luận án sẽ là công trình nghiên cứu chuyên sâu đầu tiên về EEAS tại Việt Nam; (2) Luận án mong muốn sử dụng một số luận điểm của các trường phái lý thuyết QHQT và lý thuyết về tính gắn kết trong chính sách đối ngoại để xác định cơ sở lý luận cho sự hình thành EEAS; (3) Luận án hi vọng sẽ làm rõ được những cơ hội và thách thức mà EU phải đối mặt khi đưa ra một thể chế “lai tạo” đặc biệt như EEAS; (4) Luận án hi vọng có thể đưa ra những phân tích khách quan và hệ thống về mối quan hệ giữa EEAS và các quốc gia thành viên; (5) Quan hệ và vai trò của EEAS với các cơ quan thể chế khác của EU sẽ được luận án đề cập và làm rõ; (6) Luận án mong muốn cung cấp cái nhìn tổng thể về tổ chức, hoạt động của EEAS và đưa ra nhận xét, khuyến nghị phù hợp dựa trên các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của EEAS.

## **CHƯƠNG 2. CƠ SỞ HÌNH THÀNH CỦA CƠ QUAN ĐỐI NGOẠI CHÂU ÂU**

### **2.1. Cơ sở lý luận**

#### ***2.1.1. Một số luận điểm của lý thuyết quan hệ quốc tế***

(1) *Chủ nghĩa Tự do* lý giải nhu cầu hội nhập của các quốc gia EU và vai trò siêu quốc gia của lực lượng nhân viên EEAS; (2) *Chủ nghĩa Chức năng Mới* cho thấy sự ra đời EEAS là một bước tiến trong quá trình hội nhập từ kinh tế đến chính trị của EU; (3) *Chủ nghĩa Siêu quốc gia* và *Chủ nghĩa Liên chính phủ* lý giải bản chất phức tạp trong cấu trúc cũng như cách thức hoạt động của EEAS; (4) *Chủ nghĩa Hiện thực* lý giải tham vọng và tính toán lợi ích của các quốc gia thành viên phía sau mong muốn hỗ trợ EEAS; (5) *Chủ nghĩa kiến tạo* lý giải cho mong muốn củng cố vị thế của EU với tư cách một chủ thể chính trị đáng tin cậy, tập trung vào hình ảnh “quyền lực mềm” của EU.

#### ***2.1.2. Lý luận về tính gắn kết trong chính sách đối ngoại***

Nguyên tắc gắn kết có thể coi như một yếu tố định hướng quan trọng trong bộ máy quản lý, hệ thống chính sách và hoạt động thực thi chính sách đối ngoại của EU nhằm đảm bảo sự mạch lạc, liên kết và

nhất quán trong mọi hoạt động và tuyên bố với bên ngoài. Với một thực thể mang bản chất phức tạp, đa phương và đa tầng như EU, nguyên tắc gắn kết này càng trở thành một thách thức và yêu cầu to lớn, là trọng tâm cốt lõi của mọi sự phân tích và đánh giá chính sách đối ngoại của EU.

### **1.1. Cơ sở thực tiễn**

#### ***1.1.1. Các yếu tố tác động ở cấp độ khu vực***

(1) Sự hình thành xu hướng hợp tác và chủ nghĩa khu vực từ rất sớm ở Châu Âu dựa trên các nền tảng địa lý, lịch sử, văn hóa và xã hội; (2) Tình hình chính trị thế giới nhiều biến động, toàn cầu hóa và sự công nhận của cộng đồng quốc tế đối với vai trò ngày càng tăng của các tổ chức quốc tế nói chung và EU nói riêng đã tạo nên không ít thách thức và áp lực ngoại khối, buộc EU phải đẩy mạnh tiến trình hội nhập hơn nữa nếu không muốn đánh mất vị trí của mình trên chính trường quốc tế; (3) Sự thiếu gắn kết trong chính sách đối ngoại EU theo chiều ngang thể hiện qua sự phối hợp kém hiệu quả và không chặt chẽ giữa các thể chế EU, cũng như giữa các khía cạnh khác nhau của chính sách đối ngoại EU.

#### ***1.1.2. Các yếu tố tác động ở cấp độ quốc gia***

(1) Nhu cầu thúc đẩy hội nhập chính trị của các nước thành viên xuất phát từ những tính toán lợi ích nhất định về an ninh và kinh tế, mong muốn tăng cường vị thế và tầm ảnh hưởng của các nước lớn trên diễn đàn quốc tế, cũng như mong muốn của các thành viên vừa và nhỏ với hi vọng cân bằng và kiềm chế quyền lực của những nước lớn; (2) Sự thiếu gắn kết trong chính sách đối ngoại của EU theo chiều dọc thể hiện qua sự khác biệt trong quan điểm và chính sách đối ngoại giữa các quốc gia thành viên; (3) Khả năng tác động của các nước lớn trong EU như Pháp, Đức dưới sự tác động của các cá nhân lãnh đạo nhất định.

### **1.2. Sự hình thành của Cơ quan Đối ngoại Châu Âu**

Sự ra đời của EEAS trước hết bắt nguồn từ nhu cầu thúc đẩy hội nhập chính trị của các quốc gia thành viên vốn được hình thành từ rất sớm. Hiệp ước thành lập Liên minh Châu Âu được ký kết tại Maastricht năm 1992 đã đánh dấu một bước chuyển mình lớn trong lĩnh vực đối ngoại của EU. Thay vì sự hợp tác lỏng lẻo như trước đây giữa các quốc gia thành viên, EU bây giờ đã có thể đưa ra chính sách và tiếng nói chung về đối ngoại trên trường quốc tế. Kể từ thời điểm đó, hàng loạt những thay đổi pháp lý quan trọng đã góp phần vào việc tạo nên một EU như ngày nay, với dấu mốc pháp lý quan trọng chính là Hiệp ước Lisbon.

Sau khi Hiệp ước Lisbon chính thức có hiệu lực, các cuộc đàm phán và chuẩn bị để thiết lập EEAS bắt đầu được tiến hành một cách nghiêm túc vào đầu năm 2010. Cùng với những tính toán của giới chức EU, mối quan tâm của các quốc gia thành viên trong giai đoạn đàm phán cũng trở nên cấp thiết, đa phần bắt nguồn từ các vấn đề lợi ích nhiều hơn là hiệu quả hoạt động của EEAS.

#### **Tiểu kết Chương 2**

Thông qua các luận điểm của các trường phái lý thuyết QHQT và lý luận về tính gắn kết trong chính sách đối ngoại, nhiều khía cạnh khác nhau liên quan đến EEAS đã được làm sáng tỏ. Quá trình hình thành EEAS bị chi phối mạnh mẽ bởi những yếu tố thực tiễn đến từ bối cảnh khu vực, nội tại EU cho đến bản thân các quốc gia thành viên. Trên nền tảng những cơ sở lý luận và thực tiễn như trên, sự ra đời của EEAS đánh dấu một cột mốc quan trọng trong quá trình hội nhập chính trị giữa các quốc gia Châu Âu.

## **CHƯƠNG 3. TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN ĐỐI NGOẠI CHÂU ÂU**

### **3.1. Mục tiêu của Cơ quan Đối ngoại Châu Âu**

Tính gắn kết đã luôn hiện diện như một nguyên tắc định hướng từ những ngày đầu của quá trình hội nhập Châu Âu, liên tục được nhắc đến trong các văn bản chính thức của Cộng đồng cho đến EU, đồng thời cũng chính là mục tiêu cốt lõi và xuyên suốt mà EEAS cần đảm bảo thực hiện.



### **3.2. Cơ cấu tổ chức của Cơ quan Đối ngoại Châu Âu**

#### **3.2.1. Đại diện Cấp cao của EU về Chính sách Đối ngoại và An ninh**

Chức vụ Đại diện Cấp cao được thành lập từ Hiệp ước Amsterdam năm 1999, Hiệp ước Lisbon sau đó đã mở rộng trách nhiệm và thẩm quyền của chức vụ này. Cụ thể, Đại diện Cấp cao giờ đây đồng thời đảm nhận vị trí Phó Chủ tịch Ủy ban Châu Âu và chủ trì Hội đồng Ngoại trưởng. Việc trao thêm nhiều quyền lực cho Đại diện Cấp cao sẽ dẫn đến hai sự chuyển biến tích cực: (1) Sự kết hợp nhiều vai trò vào một chức vụ sẽ đảm bảo tính nhất quán và gắn kết của các hoạt động đối ngoại của EU trên thế giới; và (2) Việc bổ nhiệm chức vụ mới này chấm dứt sự thay đổi cơ cấu liên tục theo nhiệm kỳ 6 tháng của Chủ tịch Hội đồng luân phiên thuộc cơ chế troika trước đây.

#### **3.2.2. Trụ sở EEAS tại Brussels**

(1) *Hội đồng quản trị*: Mô hình quản lý kim tự tháp bao gồm một Tổng Thư ký và ba Phó Tổng thư ký phụ trách các vấn đề tương ứng: vấn đề kinh tế và vấn đề toàn cầu; các vấn đề chính trị; CSDP và ứng phó khủng hoảng.

(2) *Các Ban Quản lý*: Hiện EEAS có sáu Ban Quản lý, trong đó có năm Ban Quản lý địa lý, bao gồm các khu vực Châu Phi; Châu Mỹ; Châu Á và Thái Bình Dương; Châu Âu và Trung Á; và Trung Đông và Bắc Phi. Ban Quản lý thứ sáu là Ban Quản lý các vấn đề đa phương và toàn cầu.

(3) *Cấu trúc quản lý khủng hoảng*: Được kế thừa toàn bộ cấu trúc quản lý khủng hoảng trước đây vốn thuộc về Ban Thư ký Hội đồng, vận hành theo một cơ chế phối hợp chặt chẽ dẫn đến sự hợp nhất giữa hai lực lượng quân sự và dân sự ở cấp độ chiến lược.

#### **3.2.3. Mạng lưới phái đoàn EU**

Các phái đoàn EU hoạt động dưới thẩm quyền của Đại diện Cấp cao và được coi là một trong những cải cách quan trọng nhất được đưa ra bởi Hiệp ước Lisbon. Mạng lưới này hoạt động như một “sự hiện diện ngoại giao duy nhất” của EU ở các nước thứ ba cũng như các tổ chức quốc tế.

#### **3.2.4. Lực lượng nhân viên của EEAS**

(1) *Thành phần cấu thành*: Đội ngũ nhân viên của EEAS là sự tập hợp các lực lượng đến từ ba nguồn chính: Ủy ban Châu Âu, Ban Thư ký Hội đồng và các quốc gia thành viên. Nguồn gốc đa dạng này của đội ngũ nhân viên được coi là một yếu tố quan trọng cho sự thành công của EEAS.

(2) *Vai trò siêu quốc gia của nhân viên EEAS*: Mặc dù từng làm việc tại các cơ quan khác nhau của EU hay các cơ quan ngoại giao của quốc gia thành viên, các nhân viên của EEAS sẽ phải tiến hành và thực hiện các nhiệm vụ của mình với vai trò siêu quốc gia, vì duy nhất lợi ích của EU.

(3) *Yêu cầu cân bằng về địa lý và giới tính*: Trong quá trình tuyển dụng nhân viên của EEAS, yếu tố cân bằng địa lý và giới tính sẽ là những tiêu chí quan trọng cần được xét đến sau các điều kiện tiên quyết về thành tích.

### **3.3. Hoạt động của Cơ quan Đối ngoại Châu Âu**

Nhiệm vụ của EEAS chủ yếu được quy định thông qua trách nhiệm “hỗ trợ” các chủ thể khác trong quá trình chính sách đối ngoại của EU trong việc thực hiện các chức năng và trọng trách tương ứng của mình. Những chủ thể này bao gồm Đại diện Cấp cao, Chủ tịch Hội đồng Châu Âu, Chủ tịch Ủy ban Châu Âu, Ủy ban, các cơ quan ngoại giao của các quốc gia thành viên, và Nghị viện Châu Âu. Nghĩa vụ hợp tác này của EEAS có thể coi là một phương tiện để đảm bảo tính gắn kết và nhất quán trong hoạt động đối ngoại của EU.

Giai đoạn 2011-2013: Giai đoạn làm quen với cấu trúc mới của EEAS, trong đó không chỉ các cơ quan của EU, các quốc gia thành viên, mà chính bản thân EEAS và các nhân viên của nó cũng đều phải tìm cách làm quen với cấu trúc mới một cách lúng túng, thậm chí dè chừng. Khó khăn nổi bật trong giai đoạn này bao gồm (1) Sự ủng hộ thiếu nhiệt tình từ các quốc gia thành viên và (2) Sự lúng túng của EEAS trong giai đoạn đầu hoạt động.

Giai đoạn 2013-2019: Giai đoạn tăng cường khả năng thúc đẩy chính sách đối ngoại EU gắn kết, trong đó EEAS đã có những sự chuyển mình nhất định, vai trò thúc đẩy tính gắn kết cũng được tăng cường đáng kể thông qua một số sáng kiến và hoạt động nổi bật như (1) Tăng cường khả năng tiếp cận, trao đổi và xử lý thông tin; (2) Đẩy mạnh thực thi các hoạt động và nhiệm vụ dân sự trong khuôn khổ CSDP; (3) Tăng cường vai trò trung gian hòa giải xung đột; và (4) Tăng cường các biện pháp đối phó với thông tin sai lệch.

### **Tiểu kết Chương 3**

Bên cạnh những chức năng hay vai trò của EEAS được quy định tại các văn bản pháp lý, thì việc nâng cao tính gắn kết trong chính sách đối ngoại của EU mới chính là mục tiêu cốt lõi, là nhiệm vụ xuyên suốt mà EEAS cần đảm bảo thực hiện. Xuất phát từ mục tiêu như vậy, cơ cấu tổ chức cũng như các chức năng, hoạt động của EEAS đều được thiết kế nhằm đảm bảo nguyên tắc gắn kết này. Cách thức hoạt động của EEAS sẽ đảm bảo tối đa sự hợp tác liên thể chế trong nội bộ EU và hợp tác giữa EU và các quốc gia thành viên - yếu tố cốt lõi và quan trọng nhất để đảm bảo EU hoạt động hiệu quả, cũng như để đảm bảo một chính sách chung chặt chẽ và nhất quán của EU.

## **CHƯƠNG 4. NHẬN XÉT VÀ KHUYẾN NGHỊ**

### **4.1. Nhận xét về đặc điểm pháp lý của Cơ quan Đối ngoại Châu Âu**

EEAS được thừa nhận rộng rãi là một cơ quan với bản chất *sui generis*, nghĩa là một thực thể độc nhất, cá biệt và đặc thù, không giống với bất kỳ thể chế hay cơ quan trực thuộc thể chế nào của EU. Vị trí pháp lý khác biệt của EEAS trong hệ thống các thể chế của EU được thể hiện qua một số đặc điểm: (1) EEAS không được các Hiệp ước thừa nhận là một thể chế của EU; (2) EEAS là một cơ quan độc lập về mặt chức năng; (3) EEAS là cơ quan có năng lực pháp lý; (4) EEAS có vai trò quan trọng trong quá trình hoạch định chính sách đối ngoại của EU.

### **4.2. Nhận xét về sự hình thành của Cơ quan Đối ngoại Châu Âu**

Trong giai đoạn 2009-2011, quá trình đàm phán, chuẩn bị và thiết lập EEAS gặp phải nhiều yếu tố không thuận lợi, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của EEAS sau này. Những yếu tố này bao gồm (1) Sự trì hoãn phê chuẩn Hiệp ước Lisbon ảnh hưởng đến thời gian chuẩn bị cho sự ra đời của EEAS; (2) Quá trình đàm phán thiết lập EEAS cho thấy thẩm quyền và lợi ích riêng mới là mối quan tâm chính của các bên; (3) Tình hình EU tại thời điểm ra đời EEAS làm suy giảm mối quan tâm của giới chức EU đối với các vấn đề đối ngoại; (4) Phản ứng của các nước thành viên đối với sự ra đời EEAS cho thấy tương lai thách thức đối với EEAS. Rõ ràng, EEAS đã không ra đời tại thời điểm EU và các quốc gia thành viên sẵn sàng nhất cho một sự cải cách thể chế.

### **4.3. Nhận xét về tổ chức và hoạt động của Cơ quan Đối ngoại Châu Âu**

#### **4.3.1. Điểm mạnh**

- (1) Khả năng thiết lập và thúc đẩy mạng lưới thông tin ở cấp độ EU;
- (2) Khả năng đào tạo và quản lý nguồn nhân lực toàn diện và linh hoạt; và
- (3) Năng lực quản lý khủng hoảng hiệu quả.

#### **4.3.2. Điểm yếu**

- (1) Điểm yếu về mặt chiến lược;
- (2) Điểm yếu về mặt lãnh đạo;
- (3) Điểm yếu về mặt thực thi.

#### **4.4. Nhận xét về xu hướng phát triển của Cơ quan Đối ngoại Châu Âu**

##### **4.4.1. Cơ hội**

- (1) EEAS có khả năng đưa ra chính sách chung cho EU;
- (2) EEAS có khả năng phát triển cơ chế hành động ở cấp khu vực;
- (3) EEAS có khả năng xây dựng mô hình chính phủ tích hợp

##### **4.4.2. Thách thức**

(1) Các yếu tố bên ngoài: *Thứ nhất*, biến động chính trị trên thế giới. *Thứ hai*, sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân túy và xu hướng chống hội nhập. *Thứ ba*, biến cố và khủng hoảng nội khối bào mòn nguồn lực và sự quan tâm của EU cũng như các nước thành viên đối với các vấn đề chính trị quốc tế. *Thứ tư*, xu hướng dịch chuyển quyền lực chính trị và kinh tế về phía Đông. *Thứ năm*, những biến đổi trong nền chính trị quốc tế hiện đại như công nghệ, truyền thông, nguy cơ an ninh phi truyền thống khiến EU gặp khó khăn trong việc đưa ra những chính sách đối ngoại phù hợp. *Thứ sáu*, tính chất toàn cầu của nhiều thách thức cấp bách liên quan đến kinh tế, an ninh và môi trường khiến việc thực thi vai trò chủ thể ngoại giao của EU càng trở nên phức tạp.

(2) Các yếu tố bên trong: *Thứ nhất*, gánh nặng kinh tế và áp lực chính trị từ cuộc khủng hoảng nợ công dẫn đến mâu thuẫn và chia rẽ từ bên trong EU. *Thứ hai*, các nước thành viên vẫn đặt lợi ích quốc gia lên trên lợi ích chung của EU. *Thứ ba*, EEAS thiếu một kế hoạch rõ ràng và cụ thể để chỉ đạo các hoạt động ngoại giao của cơ quan. *Thứ tư*, sự thiếu phối hợp giữa các bên liên quan trong quá trình chính sách đối ngoại của EU. *Thứ năm*, EEAS không được chuẩn bị sẵn sàng cho việc tiếp nhận và thực hiện các nhiệm vụ mới. *Thứ sáu*, những mâu thuẫn nội tại của EEAS: Mâu thuẫn giữa EEAS và cơ quan ngoại giao các nước thành viên; giữa tính chất siêu quốc gia và liên chính phủ; giữa lợi ích EU và lợi ích quốc gia; giữa các nhóm nhân viên được tuyển dụng từ các cơ quan khác nhau trong EEAS.

#### **4.5. Khuyến nghị chính sách cho Việt Nam**

- (1) Việt Nam cần có chiến lược khai thác hiệu quả tiềm năng của Hiệp định EVFTA;
- (2) Việt Nam nên tích cực đóng vai trò cầu nối làm cơ sở để hướng tới một hiệp định thương mại tự do giữa EU và ASEAN;
- (3) Việt Nam nên tích cực đẩy mạnh quan hệ ngoại giao song phương các đối tác truyền thống khác ở Châu Âu;
- (4) Việt Nam nên tập trung phát triển, nâng cao chất lượng cũng như hiệu suất của các ngành công nghiệp thế mạnh, đồng thời có chiến lược thu hút các nhà đầu tư EU;
- (5) Việt Nam cần xác định rõ vai trò dẫn dắt và đại diện của Phái đoàn EU tại Việt Nam, từ đó có những cuộc trao đổi, tiếp xúc và gặp gỡ thường xuyên để tăng cường các cơ hội hợp tác;
- (6) Việt Nam và EU cần tăng cường các cơ chế trao đổi, phối hợp nhằm cùng nhau ứng phó với các mối đe dọa và thách thức toàn cầu;
- (7) Việt Nam nên từng bước xây dựng và tăng cường quan hệ chính trị với EU, từ đó có thể tận dụng được sự hiện diện và vị thế của EU tại khu vực.

#### **Tiểu kết Chương 4**

Sau mười năm kể từ thành lập, EEAS đã thể hiện được mình là một cải cách thể chế nhiều tiềm năng trong việc thúc đẩy và củng cố tính gắn kết trong hoạt động đối ngoại EU. Với bản chất độc nhất và cá biệt,

EEAS nằm ở vị trí “trung gian” giữa các thể chế của EU và các quốc gia thành viên, cũng như giữa trụ cột chính sách đầu tiên mang tính siêu quốc gia và trụ cột thứ hai mang tính liên chính phủ của EU. Từ vị trí đó, EEAS vừa hỗ trợ tất cả các bên, vừa là giao điểm kết nối tất cả các bên trong các hoạt động đối ngoại. Mặc dù không được thành lập trong bối cảnh thuận lợi, EEAS vẫn được thiết lập một cấu trúc đặc biệt mà nếu được tận dụng hết tiềm năng thì chắc chắn sẽ đem lại những sự thay đổi tích cực cho bộ máy chính sách đối ngoại của EU. Tuy nhiên, để thật sự đạt được những bước chuyển mình mà giới chức EU đã kỳ vọng, EEAS vẫn còn một chặng đường dài trước mắt với nhiều khó khăn và thách thức phải đối mặt, trong đó có chính những yếu tố mâu thuẫn trong nội tại cơ quan mới này.

## KẾT LUẬN

Thông qua việc tìm hiểu Cơ quan Đối ngoại Châu Âu (EEAS) trong giai đoạn mười năm đầu kể từ khi thành lập, tập trung vào ba nội dung chính là sự hình thành, tổ chức và hoạt động của cơ quan này, luận án rút ra một số kết luận chính như sau:

*Thứ nhất*, việc sử dụng luận điểm của các trường phái lý thuyết QHQT phổ biến là không đủ để lý giải khía cạnh quan trọng và cốt lõi nhất chi phối sự hình thành, tổ chức và hoạt động của EEAS, đó chính là mục tiêu. Luận án do đó đã phân tích và áp dụng lý luận về tính gắn kết trong chính sách đối ngoại như một cách tiếp cận chính, từ đó chỉ ra được mục tiêu sau cùng của việc thiết lập EEAS thông qua khái niệm tính gắn kết. Cụ thể, nguyên tắc gắn kết có thể coi như một yếu tố định hướng quan trọng trong bộ máy quản lý, hệ thống chính sách và hoạt động thực thi chính sách đối ngoại của mọi quốc gia nhằm đảm bảo sự mạch lạc, liên kết và nhất quán trong mọi hoạt động và tuyên bố với bên ngoài. Luận án cũng chỉ ra rằng, đối với một thực thể mang bản chất phức tạp, đa phương và đa tầng như EU - thể hiện ở cơ chế ra quyết định theo nguyên tắc liên chính phủ và sự rời rạc về chức năng trong cấu trúc các thể chế phụ trách lĩnh vực đối ngoại - thì nguyên tắc gắn kết này vừa trở thành yếu tố sống còn đảm bảo sự thành công của chính sách, vừa là một thách thức và yêu cầu to lớn mà EU sẽ phải có một sự chuyển mình đúng nghĩa để đạt được. Mặc dù không được đề cập nhất quán về thuật ngữ trong các Hiệp ước và văn bản pháp lý của EU, song tính gắn kết đã luôn hiện diện như một nguyên tắc định hướng xuyên suốt từ những ngày đầu của quá trình hội nhập Châu Âu. Trên thực tế, chính sự thiếu gắn kết trong chính sách đối ngoại của EU trong một thời gian dài - xuất phát từ cả những hạn chế bên trong bộ máy hoạch định và thực thi chính sách EU, và sự khác biệt trong quan điểm và chính sách giữa các quốc gia thành viên - là một trong những yếu tố thúc đẩy mạnh mẽ những sáng kiến cải cách thể chế của Hiệp ước Lisbon. Điều này đã đặt nguyên tắc gắn kết ở trọng tâm của mọi sự phân tích về EEAS, từ đó quyết định tiêu chí đánh giá các khía cạnh khác nhau của cơ quan mới.

*Thứ hai*, sự hình thành EEAS hoàn toàn không phải sản phẩm của một quyết định nhất thời, trái lại, đó là kết quả không hề dễ dàng của một quá trình phát triển và hội nhập ổn định, bền vững, nhưng cũng đồng thời là của một quá trình đàm phán kéo dài với những tính toán lợi ích phức tạp bên cạnh khó khăn chông chéo. Một mặt, ý tưởng về việc thành lập EEAS được thúc đẩy bởi các yếu tố thực tiễn đến từ bối cảnh khu vực, từ các vấn đề nội tại của EU cho đến bản thân các quốc gia thành viên như sự hình thành xu hướng hợp tác và chủ nghĩa khu vực từ rất sớm ở Châu Âu; tình hình chính trị thế giới nhiều biến động, quá trình toàn cầu hóa và sự công nhận của cộng đồng quốc tế đối với vai trò và tầm ảnh hưởng của EU; sự thiếu gắn kết trong chính sách đối ngoại EU; và nhu cầu thúc đẩy lợi ích quốc gia của các nước thành viên. Mặt khác, các quyết định quan trọng nhằm thiết lập cấu trúc và chức năng của EEAS lại là kết quả của một giai đoạn đàm phán với sự tham gia của cả các thể chế EU và các quốc gia thành viên. Tuy nhiên, giai đoạn này đã không chỉ phản ánh những tính toán lợi ích riêng của các bên, mà còn cho thấy sự hoài nghi và thiếu sẵn sàng trong

việc đón nhận sự tham gia của một chủ thể hoàn toàn mới vào quá trình chính sách đối ngoại của EU, đặc biệt là khi sự thay đổi này có khả năng ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên liên quan.

*Thứ ba*, từ việc xác định được mục tiêu cốt lõi, nhiệm vụ xuyên suốt mà EEAS cần đảm bảo thực hiện chính là nâng cao tính gắn kết trong chính sách đối ngoại của EU, luận án đã phân tích các đặc điểm nổi bật về tổ chức của EEAS được thiết kế nhằm hiện thực hóa mục tiêu này. Thứ nhất, khả năng gắn kết của EEAS được thể hiện trước tiên thông qua vị trí Đại diện Cấp cao - người giữ vai trò là bộ mặt cũng như tiếng nói đại diện thường trực của EU trong lĩnh vực chính sách đối ngoại, từ đó đảm bảo tính nhất quán và gắn kết của các hoạt động đối ngoại của EU trên thế giới, cũng như đảm bảo giữa chúng không có sự xung đột hay chồng chéo. Thứ hai, một đặc điểm nổi bật khác trong tổ chức của EEAS chính là mạng lưới các phái đoàn EU hoạt động dưới thẩm quyền của Đại diện Cấp cao, sự hiện diện của lực lượng này sẽ thay thế hệ thống đại diện “kép” trước đây - với một bên là các phái đoàn của Ủy ban Châu Âu, một bên là các đại sứ quán của quốc gia giữ chức Chủ tịch Hội đồng luân phiên - để trở thành “sự hiện diện ngoại giao duy nhất” cho tiếng nói và lợi ích của EU ở các nước thứ ba cũng như các tổ chức quốc tế, từ đó sẽ đảm bảo EU được đại diện một cách thống nhất và gắn kết trên toàn thế giới. Cuối cùng, đặc điểm nổi bật tiếp theo trong tổ chức của EEAS chính là cơ cấu nhân sự tập hợp các lực lượng đến từ ba nguồn chính: Ủy ban Châu Âu, Ban Thư ký Hội đồng và các quốc gia thành viên. Nguồn gốc đa dạng này của đội ngũ nhân viên được coi là yếu tố quan trọng tiếp theo cho sự thành công của EEAS với khả năng tạo ra một bản sắc ngoại giao mạnh mẽ của EU, trong đó các cá nhân có kỹ năng và kinh nghiệm có thể luân chuyển giữa các cơ quan ngoại giao của quốc gia thành viên và EEAS, từ đó đảm bảo tính gắn kết giữa lực lượng ngoại giao ở cấp độ EU và cấp độ quốc gia.

*Thứ tư*, luận án chỉ ra được EEAS là một chủ thể với bản chất đặc thù, độc nhất và cá biệt. Cơ quan này có một địa vị pháp lý không giống với bất kỳ thể chế nào khác của EU, điều này được thể hiện qua một số đặc điểm nổi bật như EEAS không được các Hiệp ước thừa nhận là một thể chế của EU; độc lập về mặt chức năng; có năng lực pháp lý; và có thể tham gia vào quá trình hoạch định chính sách đối ngoại của EU. Thay vì trực thuộc bất kỳ một cơ quan nào của EU, EEAS nằm ở vị trí “trung gian” giữa các thể chế của EU và các quốc gia thành viên, cũng như giữa trụ cột chính sách đầu tiên mang tính siêu quốc gia và trụ cột thứ hai mang tính liên chính phủ của EU. Ở vị trí này, EEAS vừa hỗ trợ tất cả các bên, vừa là giao điểm kết nối tất cả các bên trong các hoạt động đối ngoại. Điều này cũng được thể hiện rõ trong chức năng hoạt động của EEAS, với nhiệm vụ chính được quy định tại các văn bản pháp lý là hỗ trợ Đại diện Cấp cao; hỗ trợ Chủ tịch Hội đồng Châu Âu, Chủ tịch Ủy ban Châu Âu và cả Ủy ban; hỗ trợ và hợp tác chặt chẽ với cơ quan ngoại giao của các quốc gia thành viên, Ban Thư ký Hội đồng, các cơ quan trực thuộc Ủy ban, đồng thời mở rộng tới các cơ quan, đoàn thể khác của EU, đặc biệt là Nghị viện Châu Âu. Như vậy, cách thức hoạt động của EEAS sẽ đảm bảo tối đa sự hợp tác liên thể chế trong nội bộ EU và hợp tác giữa EU và các quốc gia thành viên - yếu tố cốt lõi và quan trọng nhất để đảm bảo EU hoạt động hiệu quả, cũng như để đảm bảo một chính sách chung chặt chẽ và nhất quán của EU.

*Thứ năm*, luận án phân tích được phản ứng và thái độ của các quốc gia thành viên đối với sự hiện diện của EEAS, yếu tố này không chỉ tác động đến quá chuẩn bị thành lập EEAS mà còn có ảnh hưởng xuyên suốt đến hiệu quả hoạt động đối ngoại của EU. Bởi với bản chất liên chính phủ khó lòng thay đổi của CFSP, việc các quốc gia đặt lợi ích riêng của mình lên trên lợi ích chung của EU và không tìm được tiếng nói chung trong các vấn đề đối ngoại chắc chắn sẽ làm suy yếu chính sách đối ngoại chung của khối. Trên thực tế, tuy ở một mức độ nào đó các nước thành viên đều công khai thể hiện quan điểm ủng hộ EEAS, tuy nhiên, điều này xuất phát không chỉ từ mong muốn nâng cao vị thế của EU trên trường quốc tế, mà còn từ những lợi ích có

thể củng cố hoặc đạt được thông qua việc khai thác “công cụ” mới là EEAS. Bên cạnh đó, các nước thành viên cũng đồng thời có những sự lo ngại và dè chừng nhất định đối với EEAS, đa phần liên quan đến tâm lý không sẵn sàng chia sẻ quyền lợi và coi EEAS là đối thủ cạnh tranh với Bộ Ngoại giao quốc gia, đặc biệt là khi mạng lưới các phái đoàn EU trên thế giới có khả năng gây ảnh hưởng đến hoạt động của đại sứ quán các nước này. Đặc biệt, luận án cũng chỉ ra được những khác biệt trong thái độ đối với EEAS của ba nước Anh, Pháp, Đức; cũng như giữa ba nước lớn này với nhóm các thành viên EU vừa và nhỏ.

*Thứ sáu*, luận án đưa ra nhận xét về tổ chức và hoạt động của EEAS, trong đó nhấn mạnh một số khả năng và thành tựu mà EEAS đã chứng minh được sau một thập kỷ thành lập mà nổi bật là khả năng thiết lập và thúc đẩy mạng lưới thông tin ở cấp độ EU, và năng lực quản lý khủng hoảng toàn diện và hiệu quả. Bên cạnh đó, EEAS vẫn bộc lộ một số yếu điểm, cụ thể là hạn chế về các mặt chiến lược, mặt lãnh đạo và mặt thực thi. Tuy nhiên, những điểm yếu này chủ yếu được thể hiện nổi bật trong giai đoạn đầu hoạt động, và đã được từng bước khắc phục thông qua những lần tự đánh giá và cải tổ của EEAS. Mặc dù vậy, để thật sự đạt được những bước chuyên mình mà giới chức EU đã kỳ vọng, EEAS vẫn còn một chặng đường dài với nhiều thách thức phải đối mặt, trong đó có những yếu tố mâu thuẫn thường trực và lưỡng nan như: mâu thuẫn giữa EEAS và cơ quan ngoại giao các nước thành viên; mâu thuẫn giữa lợi ích của EU và lợi ích quốc gia; mâu thuẫn giữa tính chất siêu quốc gia và liên chính phủ trong nội tại EEAS; và mâu thuẫn giữa chính các nhóm nhân viên được tuyển dụng từ các nguồn khác nhau trong EEAS.

#### **DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Hồ Thu Thảo (2019), “Chính sách nhập cư châu Âu: Các yếu tố định hình và nguyên nhân thất bại”, *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu*, Số 2 (221), tr. 24-34
2. Hồ Thu Thảo (2020), “Bàn về chủ quyền quốc gia trước sự ra đời của Cơ quan Đối ngoại Châu Âu”, *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu*, Số 5 (236), tr.48-60
3. Hồ Thu Thảo (2020), “Cơ quan Đối ngoại Châu Âu: Đặc điểm và khả năng gắn kết”, *Tạp chí Đối ngoại*, Số 129 (9+10/2020), tr.56-62